

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TL  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 12 - 7 - 2024  
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Long

2. Ông Lý Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Lư - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 307/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc H, sinh năm 2004 (có mặt)

Địa chỉ: Số ABC ấp TT, xã TH, huyện CD, TP. Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số XYZ, ấp DL, xã DB, huyện TL, TP. Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn bà Phạm Ngọc H trình bày: Bà và ông Nguyễn Chí T chung sống có tổ chức lễ cưới vào năm 2022 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2023. Vợ chồng bà có 01 người con chung tên Nguyễn Chí Th, sinh ngày 07/02/2024. Sau khi cưới nhau thì vợ chồng bà sống cùng cha mẹ

chồng tại số XYZ ấp ĐL, xã ĐB, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống, bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Khi bà mang thai cháu Th gần 09 tháng thì bà bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Ông T vẫn sống cùng cha mẹ ruột tại số XYZ ấp ĐL, xã ĐB, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Cha ông T tên Nguyễn Văn M và mẹ là Huỳnh Thị K. Khi bà sinh con thì chồng bà có đến thăm nhưng bà từ chối. Ban đầu ông T có mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng bà kiên quyết không đồng ý. Cho đến thời điểm này bà cũng không đồng ý quay về đoàn tụ với ông T vì không còn tình cảm với ông T. Yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Vợ chồng bà không có tạo lập được tài sản và không có nợ ai. Hiện nay cháu Th đang sống cùng bà, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn ông Nguyễn Chí T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

*Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

*Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:* Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Ngọc H đối với ông Nguyễn Chí T; giao cháu Nguyễn Chí Th cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn xác định không có nên đề nghị không xem xét, khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Chí T có địa chỉ thường trú tại ấp ĐL, xã DB, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Ngọc H và ông Nguyễn Chí T chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa bà H và ông T là tự nguyện và hợp pháp. Bà H xác định vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống và đã không còn quan T lẫn nhau. Đến thời điểm khởi kiện thì bà không còn tình cảm với ông T và không còn chung sống với ông T. Bản thân ông T dù nhận được thông báo của Tòa án về việc bà H khởi kiện ly hôn nhưng ông vẫn không có ý kiến phản hồi, không đến theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, bà H hiện nay đã về nhà mẹ ruột sinh sống, bà kiên quyết ly hôn, không đồng ý quay về đoàn tụ với ông T. Điều đó thể hiện bản thân bà H và ông T đều không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân, đủ căn cứ xác định đời sống hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T.

[3] Về con chung: Bà H và ông T có 01 người con chung tên Nguyễn Chí Th, sinh ngày 07/02/2024. Hiện nay bà H xác định cháu Th sống cùng bà. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông T không có yêu cầu tranh chấp về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Th từ khi sinh ra và cho đến hiện nay đều sống cùng bà H, hơn nữa cháu Th chưa đủ 36 tháng tuổi nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 luật hôn nhân gia đình, giao cháu Th cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có tài sản chung và nợ chung và ông T cũng không có ý kiến trình bày liên quan đến tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[7] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Ngọc H đối với ông Nguyễn Chí T.

2. Giao cháu Nguyễn Chí Th, sinh ngày 07/02/2024 cho bà Phạm Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Nguyễn Chí T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu

tiền số 0007593 ngày 21/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL được chuyển thu án phí.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TANDTPCT;
- VKSND huyện TL;
- Cơ quan THA huyện TL;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Ngọc Diễm**